

Cần làm gì để đẩy mạnh xuất khẩu tôm trước làn sóng mới của các FTA?

PHẠM HÙNG CƯỜNG*
LƯU THỊ BÍCH HẠNH**

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), mặc dù đón nhận nhiều cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do (FTA), song năm 2015, xuất khẩu tôm không chỉ giảm mạnh về sản lượng, mà thị trường còn bị thu hẹp tới hơn 1/3. Vậy, nguyên nhân do đâu và giải pháp nào để cải thiện tình hình này trong thời gian tới?

NHÌN LẠI NĂM 2015

Theo VASEP, năm 2015, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng tôm đạt gần 3 tỷ USD, giảm mạnh 25% so với cùng kỳ năm ngoái.

Năm 2015, tôm Việt Nam được xuất khẩu sang 92 thị trường, giảm so với 150 thị trường của năm 2014. Top 10 thị trường chính gồm: Mỹ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc, Canada, Australia, Đài Loan, ASEAN và Thụy Sĩ, chiếm gần 95% tổng giá trị xuất khẩu tôm. Xuất khẩu tôm sang các thị trường chính đồng loạt giảm mạnh, như: Mỹ (-35,4%), EU (-18%), Nhật Bản (-22,8%), Trung Quốc (-17%)...

Trong bức tranh xuất khẩu tôm sang các khối thị trường chính đều giảm, xuất khẩu sang 2 thị trường đơn lẻ lại tăng so với năm 2014, đó là: Anh (+17,3%), Hồng Kông (+3,9%). Đáng chú ý là thị trường Anh - nơi nhập khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam trong khối EU - ngày càng tăng nhu cầu đối với tôm nước ấm, do nguồn cung tôm nước lạnh trên thị trường này giảm trong khi giá lại cao.

Theo chúng tôi, tình trạng trên xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, thị trường tiền tệ biến động mạnh. Năm 2015, đồng USD tăng giá mạnh so với tiền tệ của các nước lớn, cùng với động thái thả nổi hoặc phá giá đồng nội tệ của một số nước khiến cho thị trường bất ổn: nhu cầu giảm, áp lực cạnh tranh tăng. Đặc biệt là chính sách tỷ giá của Trung Quốc khiến cho thị trường tài chính và hàng hóa xáo trộn.

Trong 3 năm qua, Trung Quốc đã phá giá đồng NDT sau khi các đồng tiền chính giảm giá mạnh so với USD. Tính từ tháng 01/2013 đến tháng 08/2015: đồng Euro

giảm 20%, đồng Yên Nhật giảm 39%, đồng Won Hàn Quốc giảm 11% so với đồng USD. Ngược lại, đồng NDT đã tăng giá suốt 3 năm qua, trước khi có động thái giảm giá vào tháng 8/2015, VND cũng neo giá cố định. Đến tháng 08/2015, VND giảm giá nhẹ (-5%) so với thời USD và NDT tính từ thời điểm tháng 01/2013.

Giảm giá mạnh nhất là nội tệ của các nước đang phát triển: đồng Real của Brazil giảm 72%, đồng Peso của Colombia giảm 52%, đồng Rupiah Indonesia giảm 42%, đồng Ringgit Malaysia giảm 33%, đồng Rupee Ấn Độ giảm 20%, Baht Thái Lan giảm 18% so với đồng USD. Sự giảm giá nội tệ của các nước đối thủ này khiến cho thủy sản Việt Nam, trong đó có tôm, khó cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Biến động tiền tệ khiến nhu cầu chuyển sang các sản phẩm giá thấp, như: cá biển, cá nước ngọt, trong khi nhu cầu tôm giảm.

Thứ hai, giá tôm thế giới giảm mạnh. Kinh tế thế giới suy thoái, đặc biệt tại các thị trường chính, nhu cầu tiêu thụ giảm tạo ra vòng xoáy giảm giá cho hầu hết các mặt hàng nông - thủy sản, đặc biệt là các loài thủy sản cao cấp như tôm. Ví dụ, với sản phẩm tôm sú cỡ 16/20 con/kg của Việt Nam vốn được ưa chuộng tại thị trường Mỹ, giá đã giảm 14% từ 11,3 USD hồi đầu năm 2015 xuống còn 9,75 USD/pao trong quý III/2015. Tôm sú vỏ

*TS., **ThS., Trường Đại học Ngoại thương Cơ sở II, TP. Hồ Chí Minh
Email: phamhungcuong.cs2@ftu.edu.vn

cỡ 21/25 con/kg của Việt Nam giảm gần 30% từ 7,5 USD xuống 5,8 USD/pao, trong khi giá tôm cùng loại của Ấn Độ cũng giảm từ 6,9 USD xuống mức tương đương 5,85 USD/pao.

Biến động tiền tệ, vòng xoáy giảm giá khiến cho sức cạnh tranh của tôm Việt Nam yếu đi so với các nước đối thủ. Giá tôm Việt Nam cao nhất trên các thị trường chính do giá thành sản xuất cao hơn so với các nước cạnh tranh.

Thứ ba, nhu cầu nhập khẩu từ các thị trường chính giảm, giá xuất khẩu lao dốc, sản lượng của Ấn Độ tăng mạnh, giá tôm cạnh tranh tại thị trường Mỹ và đồng nội tệ của các nước cạnh tranh, như: Ấn Độ, Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia giảm giá so với USD với tỷ lệ giảm mạnh hơn nhiều so với tỷ giá của đồng VND so với USD. Các yếu tố này đã làm giảm sức cạnh tranh của tôm Việt Nam đồng thời khiến xuất khẩu tôm liên tục giảm 25%-30%.

Thứ tư, yêu cầu ngày càng khắt khe của đối tác thông qua các rào cản kỹ thuật và thuế chống bán phá giá. Điển hình như tại thị trường Nhật Bản, từ tháng 03/2014, Nhật Bản bắt đầu kiểm tra chỉ tiêu Oxytetracycline (OTC) với 100% lô tôm Việt Nam. Trước đó, kế hoạch kiểm tra giám sát hàng năm thì mặt hàng tôm Việt Nam được nhận diện và chỉ định kiểm soát với 2 chất kháng sinh cấm là Chloramphenicol và Oxytetracycline. Hiện, rào cản kháng sinh và hóa chất cấm là trở ngại lớn nhất của tôm Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản. Do đó, điều kiện quan trọng nhất giúp đẩy mạnh tôm xuất khẩu sang Nhật là cần đảm bảo nghiêm ngặt an toàn vệ sinh và chất lượng sản phẩm, cụ thể là kiểm tra dư lượng Trifluralin.

Thứ năm, vệ sinh an toàn thực phẩm còn chưa được đảm bảo. Hiện nay, mặc dù nhiều doanh nghiệp mong muốn có nguồn nguyên liệu sạch để chế biến xuất khẩu tôm, song cho đến nay, ở Việt Nam vẫn chưa có một quy trình nuôi tôm hoàn thiện không có thuốc kháng sinh hay nuôi tôm sinh thái. Trong khi đó, có những lúc doanh nghiệp không thể kiểm soát được việc kiểm tra dư lượng kháng sinh ở tôm nguyên liệu thu mua, khiến doanh nghiệp tốn khá nhiều chi phí. Một lô nguyên liệu đưa vào xét nghiệm phải mất 3 ngày mới có kết quả, doanh nghiệp không thể chờ đợi trong quãng thời gian này để quyết định có nên mua lô, ao này hay không.

Điển hình như: EU là thị trường tiêu thụ tôm lớn thứ 3 của Việt Nam. Xét về khối lượng, Việt Nam đứng thứ 5 trong các nước nhập tôm vào EU. Xuất khẩu tôm Việt Nam sang EU chiếm gần 17% tổng giá trị xuất khẩu tôm cả nước năm 2014, và 19% trong 8 tháng đầu năm 2015. Tuy nhiên, tôm xuất khẩu Việt Nam cũng gặp nhiều thách thức khi tình trạng bơm tạt chất vào tôm sú khó kiểm soát (ví dụ như: bơm bột thạch rau câu để tôm tươi sống và tăng trọng lượng). Vì vậy, Việt Nam cũng cần hạn chế sử dụng kháng sinh cấm để tránh EU ban hành lệnh ngừng nhập khẩu.

TẬN DỤNG CƠ HỘI ĐỂ VƯỢT QUA THÁCH THỨC

Làn sóng các FTA thế hệ mới và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) đã mang lại ưu đãi lớn cho các doanh nghiệp xuất khẩu vì tập trung mở cửa thị trường hàng hóa bằng việc giảm thuế nhập khẩu tại các thị trường đối tác. Thuế nhập khẩu hầu hết các sản phẩm tôm nguyên liệu được giảm về 0% ngay khi các hiệp định có hiệu lực. Đối với sản phẩm tôm giá trị gia tăng thì tùy theo thị trường mà có các mức giảm theo lộ trình.

Hơn nữa, ký kết FTA và TPP giúp mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh cho tôm Việt Nam vì các nước đối thủ của Việt Nam hầu hết chưa ký FTA với các đối tác này.

Bên cạnh đó, xuất khẩu tôm Việt Nam vẫn có cơ hội lạc quan trước những tín hiệu tích cực từ thông tin thuế chống bán phá giá giảm mạnh. Điển hình như đối với thị trường Mỹ, ngày 07/09/2015, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) đã công bố kết quả cuối cùng rà soát hành chính lần thứ 9 (POR9) thuế chống bán phá giá tôm đông lạnh nhập khẩu từ Việt Nam giai đoạn từ 01/02/2013 đến 31/01/2014. Theo đó, mức thuế trung bình 0,91% giảm mạnh so với mức thuế 6,37% của kỳ xem xét POR8. Đây là một tín hiệu đáng mừng với xuất khẩu tôm của Việt Nam, phần nào giúp tháo gỡ gánh nặng về thuế xuất khẩu cho các doanh nghiệp xuất khẩu tôm.

Vì vậy, để xuất khẩu tôm có thể tận dụng được những cơ hội nói trên từ hội nhập sâu rộng, theo chúng tôi, cần thực hiện có hiệu quả một số giải pháp như sau:

Về phía Nhà nước:

- Hỗ trợ về tài chính tín dụng để thúc đẩy hoạt động xuất khẩu tôm, như: miễn, giảm thuế xuất khẩu thủy sản và nguyên liệu, vật tư nhập khẩu để chế biến thủy

Theo VASEP, năm 2016, xuất khẩu tôm Việt Nam được dự báo sẽ tăng trưởng tốt với kim ngạch 3,3 tỷ USD, tăng 12% so năm 2015. Dự báo này được đưa ra trên cơ sở thuận lợi về thuế đối với các thị trường chính EU và Nhật Bản; trong khi, nhiều đối thủ chính, như: Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia không tham gia TPP hay chưa có Hiệp định thương mại tự do với EU.

sản xuất khẩu, tăng cường hoạt động tài trợ xuất khẩu và thành lập quỹ hỗ trợ sản xuất và xuất khẩu thủy sản...

- Tăng cường xúc tiến thương mại nhằm đa dạng hóa và mở rộng thị trường xuất khẩu, như: Nhà nước cần giúp các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản nói chung, doanh nghiệp xuất khẩu tôm nói riêng tiếp cận với thị trường bằng các cuộc khảo sát thị trường, tham gia hội chợ hàng thủy sản; Tổ chức các hội thảo khoa học quốc tế về giống, nuôi trồng, chế biến tôm, tìm kiếm các cơ hội để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nuôi trồng, chế biến tôm; Đào tạo cán bộ có năng lực để làm công tác xúc tiến thương mại.

Cần lưu ý rằng, các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại của Nhà nước nên chú trọng vào các thị trường mới thay vì tập trung vào các thị trường lớn đã bão hòa hoặc có xu hướng suy giảm, hoặc thị trường có mức độ rủi ro cao, hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin thị trường, thị hiếu tiêu dùng, thông tin doanh nghiệp nhập khẩu, kênh phân phối...

- Ngân hàng Nhà nước cần có những ưu đãi các doanh nghiệp trong nước vay với lãi suất thấp trong đầu tư sản xuất thức ăn cho mật hàng tôm để đảm bảo cho vùng nuôi của doanh nghiệp, đảm bảo chất lượng của tôm xuất khẩu.

Về phía các doanh nghiệp xuất khẩu tôm:

- Tiếp tục tìm kiếm và mở rộng thị trường tiêu thụ cho sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là thông qua những cam kết từ các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết, như: FTA Việt Nam – Hàn Quốc, TPP, FTA EU - Việt Nam, FTA Liên minh Thuế quan... Tất cả mặt hàng thủy sản gần như được đưa về mức thuế bằng 0% hoặc mức thấp để sau đó tiến tới bằng 0%. Hơn nữa, các đàm phán đều đề cập đến các nước phải dỡ bỏ những hàng rào không chỉ thuế quan mà cả kỹ thuật theo hướng đơn giản và thông thoáng để cho các sản phẩm các nước có thể tiếp cận thị trường của nhau một cách dễ dàng. Đây là những yếu tố quan trọng để phát triển và mở rộng thị trường cho các mặt hàng thủy sản xuất khẩu nói chung, xuất khẩu tôm nói riêng.

- Cần đảm bảo được nguồn nguyên liệu cho cả nuôi trồng và khai thác tôm. Muốn vậy, các doanh nghiệp cung ứng cần chủ động trong sản xuất thức ăn chăn nuôi mới tránh được những tác động và việc phụ thuộc vào thị trường nước ngoài tới giá thành sản phẩm tôm. Đồng thời, các doanh nghiệp phải ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm đối với người nuôi trồng, giúp đỡ ngư dân về kỹ thuật nuôi trồng, về giống, hướng dẫn ngư dân về kỹ thuật bảo quản nguyên liệu sau thu hoạch.

- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm đối với sản phẩm tôm bằng các biện

pháp, như: xây dựng tiêu chuẩn vùng nuôi an toàn kết hợp tăng cường kiểm soát các cơ sở chế biến; triển khai đồng bộ các tiêu chuẩn quy định quy trình, quy phạm về quản lý chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, quy định hoá chất và chế phẩm được phép sử dụng; có chế tài xử phạt thích đáng đối với các trường hợp vi phạm; xây dựng các quy định về xuất xứ nguyên liệu gắn với vùng nuôi tôm.

- Cần chú trọng đầu tư nâng cấp công nghệ khai thác chế biến hiện đại, tiên tiến, đồng bộ. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng cần lưu ý tới việc hỗ trợ ngư dân mua sắm, cải tạo trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc đánh bắt tôm.

- Tiến hành liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài. Từ đó, hình thành nên các doanh nghiệp liên doanh có vốn đầu tư nước ngoài, tạo cho các doanh nghiệp này có thế mạnh về vốn đầu tư, công nghệ cho phép các doanh nghiệp có thể đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu có chất lượng cao, đáp ứng được những đòi hỏi của thị trường cũng như góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của mặt hàng tôm.

Về phía người nuôi trồng, cung cấp nguyên liệu chế biến tôm: Để từng bước nâng cao chất lượng sản phẩm nuôi trồng, người nuôi trồng cần phải đảm bảo chuỗi cung ứng thủy sản. Theo đó, cần lưu ý tới những yếu tố: (i) Địa điểm nuôi (ii) Chất lượng nước; (iii) Nguồn thức ăn; (iv) Chọn giống, cho đẻ, ương giống và nuôi lớn; (v) Diễn biến thời tiết, nhất là trong bối cảnh tác động của xâm nhập mặn khiến diện tích vùng nuôi thủy sản bị thu hẹp đáng kể. Bởi, hiện nay, hầu như toàn bộ vùng quy hoạch nuôi tôm nước lợ đều bị tác động bởi xâm nhập mặn, riêng những vùng nuôi thủy sản ở hạ lưu sông Hậu thuộc tỉnh Bến Tre, Sóc Trăng, Trà Vinh và Kiên Giang chịu ảnh hưởng nhiều nhất, nguy cơ phá vỡ các quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản là điều khó có thể tránh khỏi. Do vậy, người dân nhiều tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long vẫn dè chừng, chưa dám thả tôm giống theo lịch thời vụ, dẫn đến diện tích nuôi giảm mạnh, chỉ đạt 50% so kế hoạch. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (2015). *Số liệu xuất khẩu thủy sản năm 2015*
2. Thanh Thúy (2016). *Nhìn lại thị trường xuất khẩu tôm Việt Nam*, truy cập từ <http://thuysanvietnam.com.vn/nhin-lai-thi-truong-xuat-khau-tom-viet-nam-article-14385.tsvn>
3. Kim Hà (2016). *Nguy cơ phá vỡ quy hoạch nuôi trồng thủy sản bởi xâm nhập mặn*, truy cập từ <http://www.vietnamplus.vn/nguy-co-pha-vo-quy-hoach-nuoi-trong-thuy-san-boi-xam-nhap-man/376924.vnp>